

Số: 114/BC-STP

An Giang, ngày 06 tháng 5 năm 2022

BÁO CÁO

Kết quả thẩm định dự thảo Nghị quyết quy định mức thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục ngoài học phí của cơ sở giáo dục tiểu học công lập trên địa bàn tỉnh An Giang

Sở Tư pháp nhận được Công văn số 1184/SGDDĐT-GDMN.GDTH ngày 29 tháng 4 năm 2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc thẩm định dự thảo Tờ trình, Nghị quyết Quy định mức thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục ngoài học phí của cơ sở giáo dục tiểu học công lập trên địa bàn tỉnh An Giang. Sở Tư pháp đã tổ chức thẩm định và báo cáo kết quả như sau:

1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

a) Phạm vi điều chỉnh

Tại dự thảo Nghị quyết quy định:

“1. Phạm vi điều chỉnh: Nghị quyết này quy định mức thu dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục (ngoài học phí) của các cơ sở tiểu học công lập trên địa bàn tỉnh An Giang gồm:

Dịch vụ bán trú gồm: tiền ăn; tiền điện, nước sinh hoạt, nước uống; phục vụ bán trú.

Dịch vụ giáo dục tiểu học ngoài học phí gồm: tổ chức dạy các môn Tiếng Anh, Tin học tự chọn lớp 1, lớp 2 và tổ chức các câu lạc bộ năng khiếu như: aerobic, vẽ, múa, thanh nhạc, nhạc cụ, võ, thể dục thể thao.”

Tuy nhiên, xét thấy cách trình bày chưa đầy đủ, chính xác, đề nghị cơ quan soạn thảo điều chỉnh như sau:

“1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định mức thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục ngoài học phí của cơ sở giáo dục tiểu học công lập trên địa bàn tỉnh An Giang bao gồm:

a) Dịch vụ bán trú gồm: tiền ăn; tiền điện, nước sinh hoạt, nước uống; tiền phục vụ bán trú.

b) Dịch vụ giáo dục ngoài học phí gồm: tổ chức dạy Tiếng Anh tự chọn lớp 1, lớp 2; Tin học tự chọn lớp 1, lớp 2 và tổ chức các câu lạc bộ năng khiếu aerobic, vẽ, múa, thanh nhạc, nhạc cụ, võ, thể dục thể thao.”

Bên cạnh đó, đề nghị cơ quan soạn thảo lưu ý sự cần thiết về việc quy định cụ thể các câu lạc bộ năng khiếu tại dự thảo Nghị quyết. Nếu quy định cụ

thể, đề nghị cơ quan soạn thảo dự trù tất cả các câu lạc bộ được tổ chức trên địa bàn tỉnh, tránh trường hợp thiếu sót gây khó khăn trong quá trình áp dụng. Nếu xét thấy không cần thiết, đề xuất cơ quan soạn thảo chỉ quy định theo hướng “...*tổ chức các câu lạc bộ năng khiếu.*”

b) **Đối tượng áp dụng**

Tại dự thảo Nghị quyết quy định:

“2. Đối tượng áp dụng

Các cơ sở giáo dục tiểu học công lập bao gồm: các trường tiểu học công lập tại các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh An Giang có tổ chức hoạt động bán trú; tổ chức dạy học các môn Tiếng Anh, Tin học tự chọn; tổ chức các câu lạc bộ năng khiếu như: aerobic, vẽ, múa, thanh nhạc, nhạc cụ, võ, thể dục thể thao...

Phụ huynh học sinh có con đang học tại các cơ sở giáo dục tiểu học công lập, có tổ chức hoạt động bán trú; tổ chức dạy học các môn Tiếng Anh, Tin học tự chọn; tổ chức dạy các câu lạc bộ năng khiếu như: aerobic, vẽ, múa, thanh nhạc, nhạc cụ, võ, thể dục thể thao.

Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.”

Tuy nhiên, để quy định được đầy đủ và đảm bảo tính minh bạch, rõ ràng trong quá trình áp dụng, đề xuất cơ quan soạn thảo điều chỉnh như sau:

“2. Đối tượng áp dụng

a) Các cơ sở giáo dục tiểu học công lập bao gồm: các trường tiểu học công lập trên địa bàn tỉnh An Giang có tổ chức hoạt động bán trú; tổ chức dạy Tiếng Anh tự chọn lớp 1, lớp 2; Tin học tự chọn lớp 1, lớp 2 và tổ chức các câu lạc bộ năng khiếu aerobic, vẽ, múa, thanh nhạc, nhạc cụ, võ, thể dục thể thao.

b) Các phụ huynh học sinh có con đang học tại các cơ sở giáo dục và có tham gia các dịch vụ quy định tại điểm a khoản này.

c) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.”

2. Tính hợp hiến, hợp pháp và tính thống nhất của dự thảo Quyết định với hệ thống pháp luật

Tại điểm b khoản 6 Điều 99 Luật Giáo dục năm 2019 quy định:

“Điều 99. Học phí, chi phí của dịch vụ giáo dục, đào tạo

6. Cơ chế thu và quản lý học phí, các khoản thu dịch vụ trong hoạt động giáo dục được quy định như sau:

b) Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định khung học phí hoặc mức thu học phí cụ thể, các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của nhà trường đối với cơ sở giáo dục công lập theo thẩm quyền quản lý nhà nước về giáo dục trên cơ sở đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;”

Tại khoản 3 Điều 7 Nghị định số 24/2021/NĐ-CP ngày 23 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định việc quản lý trong cơ sở giáo dục mầm non và cơ sở giáo dục phổ thông công lập quy định:

“Điều 7. Quản lý tài chính, tài sản, tổ chức bộ máy và nhân sự

3. *Mức thu các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục ngoài học phí đáp ứng nhu cầu người học của cơ sở giáo dục được thực hiện theo nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh trên cơ sở đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.”*

Tại khoản 1 Điều 3 và khoản 3 Điều 4 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo, trong đó quy định:

“Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. *Giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo là số tiền người sử dụng dịch vụ phải trả cho từng dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp, bao gồm: học phí (theo các cấp học và trình độ đào tạo) và giá các dịch vụ khác trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo (...; giá các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo).”*

“Điều 4. Quản lý nhà nước về giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo

3. *Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện quản lý nhà nước về học phí, giá các dịch vụ khác trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo; ..., Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định khung hoặc mức học phí giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập; quy định chi tiết danh mục các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo đối với cơ sở giáo dục công lập theo thẩm quyền quản lý để áp dụng tại địa phương.”*

Tại khoản 2 Điều 27 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, quy định:

“Điều 27. Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh

Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành nghị quyết để quy định:

2. *Chính sách, biện pháp nhằm bảo đảm thi hành Hiến pháp, luật, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên. ...”*

Căn cứ quy định trên, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định mức thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục ngoài học phí của cơ sở giáo dục tiểu học công lập trên địa bàn tỉnh An Giang là cần thiết và đúng thẩm quyền.

3. Dự thảo Nghị quyết

a) Đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát, điều chỉnh thống nhất cách giãn dòng theo quy định tại khoản 4 Điều 62 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, cụ thể:

“Điều 62. Bố cục của văn bản

4. Nội dung văn bản được trình bày bằng chữ in thường, được dàn đều cả hai lề, kiểu chữ đứng; cỡ chữ từ 13 đến 14; khi xuống dòng, chữ đầu dòng lùi vào từ 1cm đến 1,27cm; khoảng cách giữa các đoạn văn đặt tối thiểu là 6pt; khoảng cách giữa các dòng hay cách dòng chọn tối thiểu từ cách dòng đơn hoặc từ 15pt trở lên.”

b) Đề nghị cơ quan soạn thảo điều chỉnh căn cứ ban hành như sau:

Tại căn cứ thứ 8: “*Căn cứ Thông tư số 14/2019/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Thông tư hướng dẫn xây dựng, thẩm định, ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật và phương pháp xây dựng giá dịch vụ giáo dục đào tạo áp dụng trong lĩnh vực giáo dục đào tạo;*”

Tại Xét Tờ trình: “*Xét Tờ trình số .../TTr-UBND ngày ... tháng ... năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định mức thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục ngoài học phí của cơ sở giáo dục tiểu học công lập trên địa bàn tỉnh An Giang; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.*”

Đề xuất cơ quan soạn thảo bổ sung thêm căn cứ sau: “*Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo.*”

c) Điều 1

Đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát lại nội dung quy định tại Điều này và đặt tiêu đề cho phù hợp, đầy đủ nội dung đã quy định, đồng thời, điều chỉnh cách trình bày tiêu đề của Điều theo quy định tại điểm c khoản 5 Điều 62 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP, cụ thể:

“Điều 62. Bố cục của văn bản

5. *Trường hợp nội dung văn bản được bố cục theo phần, chương, mục, tiểu mục, điều, khoản, điểm thì trình bày như sau:*

c) *Từ “Điều”, số thứ tự và tiêu đề của điều được trình bày bằng chữ in thường, cách lề trái từ 1cm đến 1,27cm, số thứ tự của điều dùng chữ số Ả Rập, sau số thứ tự có dấu chấm (.); cỡ chữ bằng cỡ chữ của phần lời văn từ 13 đến 14, kiểu chữ đứng, đậm;*”

Tại khoản 3: đề nghị cơ quan soạn thảo nêu lý do, cơ sở áp dụng mức thu tại điểm a, b trong dự thảo Tờ trình. Rà soát, điều chỉnh cụm từ “*Các hoạt động sau giờ học chính thức*” nhằm thống nhất với khoản 1 và khoản 2. Đồng thời, đề

ng nghị cơ quan soạn thảo lưu ý khi xác định mức thu dịch vụ cần lưu ý quy định tại Điều 5 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP, cụ thể:

“Điều 5. Nguyên tắc xác định giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo

1. Giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo được xác định theo các quy định của pháp luật về giá và quy định của Chính phủ về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập.

2. Giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo được điều chỉnh theo lộ trình phù hợp tương xứng với chất lượng dịch vụ giáo dục, đào tạo nhưng tỷ lệ tăng mức giá dịch vụ không quá 15%/năm.”

Đề nghị cơ quan soạn thảo lưu ý về ngôn ngữ văn bản theo quy định tại khoản 5 Điều 69 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP, cụ thể:

“Điều 69. Sử dụng ngôn ngữ trong văn bản

5. Từ ngữ được sử dụng trong văn bản phải thể hiện chính xác nội dung cần truyền đạt, không làm phát sinh nhiều cách hiểu; trường hợp dùng từ có thể hiểu theo nhiều nghĩa thì phải giải thích theo nghĩa được sử dụng trong văn bản.”

Theo đó, đề nghị cơ quan soạn thảo không sử dụng dấu ba chấm “...”, trình bày cụ thể, đầy đủ các nội dung cần quy định và dữ liệu chính xác để quy định được rõ ràng, đảm bảo tính minh bạch khi áp dụng.

Tại khoản 4: đề xuất cơ quan soạn thảo điều chỉnh khoản 4 thành điểm c khoản 4. Đồng thời, đề nghị cơ quan soạn thảo bỏ dấu phẩy “,” giữa “dịch vụ” và từ “phục vụ” tại điểm a. Bổ sung cụm từ “công khai, minh bạch” sau từ “hiệu quả” tại điểm b và rà soát lại cụm từ “đảm bảo tính đúng, tính đủ bù đắp chi phí, phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội và thu nhập của cha mẹ học sinh”; “báo cáo cơ quan quản lý cấp trên để xem xét phê duyệt”; bỏ cụm từ “các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục quy định mức thu không vượt quá mức thu tối đa theo quy định tại Nghị quyết này” do thừa.

Tại khoản 5: đề nghị cơ quan soạn thảo điều chỉnh bỏ từ “đối với” và chỉnh cụm từ “mục a, b khoản 3 Điều này” thành “điểm a, b khoản 3 Điều này” tại điểm a.

Tại khoản 6: đề nghị cơ quan soạn thảo bỏ dấu ngoặc đơn “()” tại cụm từ “ngoài học phí”, điều chỉnh cụm từ “Cơ chế quản lý thu chi” thành “Cơ chế quản lý thu, chi” và điều chỉnh cách trình bày viện dẫn theo quy định tại khoản 16 Điều 1 Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, cụ thể:

“Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật

...

16. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 75 như sau:

“1. Khi viện dẫn lần đầu văn bản có liên quan, phải ghi đầy đủ tên loại văn bản, số, ký hiệu văn bản; ngày, tháng, năm thông qua hoặc ký ban hành văn bản; tên cơ quan, người có thẩm quyền ban hành văn bản và tên gọi văn bản. Trong lần viện dẫn tiếp theo, đối với luật, pháp lệnh, ghi đầy đủ tên loại văn bản, tên gọi của văn bản; đối với các văn bản khác, ghi tên loại, số, ký hiệu của văn bản đó.”.”

d) Nơi nhận

Đề nghị cơ quan soạn thảo điều chỉnh Nơi nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 67 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP, cụ thể:

“Điều 67. Nơi nhận

1. Nơi nhận văn bản gồm: cơ quan giám sát, cơ quan kiểm tra, cơ quan ban hành văn bản, cơ quan Công báo và các cơ quan, tổ chức khác, tùy theo nội dung của văn bản.”

Tại dòng thứ 9: *“Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;”*

Tại dòng thứ 11: *“UBND các huyện, thị xã, thành phố;”*

Tại dòng thứ 12: *“Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh;”*

4. Dự thảo Tờ trình

a) Đề nghị cơ quan soạn thảo điều chỉnh cách trình bày dự thảo Tờ trình theo góp ý tại khoản 3 Công văn này và trình bày khổ giấy, định lề trang theo quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 34/2016/NĐ-CP.

b) Đề nghị cơ quan soạn thảo điều chỉnh cách trình bày Quốc hiệu, Tiêu ngữ, tên cơ quan ban hành văn bản theo quy định tại Điều 56, khoản 2 Điều 57 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP, cụ thể:

“Điều 56. Quốc hiệu và Tiêu ngữ

1. Quốc hiệu là: “CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM”. Quốc hiệu được trình bày bằng chữ in hoa, cỡ chữ từ 12 đến 13, kiểu chữ đứng, đậm và ở phía trên cùng, bên phải trang đầu tiên của văn bản.

2. Tiêu ngữ là: “Độc lập - Tự do - Hạnh phúc”. Tiêu ngữ được trình bày bằng chữ in thường, cỡ chữ từ 13 đến 14, ...”

“Điều 57. Tên cơ quan ban hành văn bản

2. Tên cơ quan ban hành văn bản được trình bày bằng chữ in hoa, kiểu chữ đứng, đậm, cỡ chữ 13, phía dưới có đường kẻ ngang, nét liền, có độ dài bằng từ 1/3 đến 1/2 độ dài của dòng chữ và đặt ở giữa, cân đối so với dòng chữ.”

c) Đề nghị cơ quan soạn thảo điều chỉnh tên cơ quan ban hành văn bản, phân số, ký hiệu, phần Kính gửi và các nội dung liên quan theo thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh.

d) Mục I

Khoản 1: đề xuất cơ quan soạn thảo bỏ từ “*Căn cứ*” trước tên các Luật, Nghị định và Thông tư.

Khoản 2: đề nghị cơ quan soạn thảo trình bày rõ ràng, cụ thể hơn sự cần biết ban hành văn bản. Đồng thời, đề nghị không căn cứ các công văn không còn hiệu lực.

đ) Mục II: đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát, điều chỉnh từ “*qui định*” thành “*quy định*”.

e) Mục III

Đề nghị cơ quan soạn thảo trình bày cụ thể, chính xác hơn quá trình xây dựng dự thảo Nghị quyết.

Đề nghị cơ quan soạn thảo điều chỉnh từ “*Sở, Ban ngành*” thành “*sở, ban, ngành*”; “*soạn thảo*” thành “*dự thảo*” nhằm thống nhất cách sử dụng ngôn ngữ trong toàn bộ dự thảo Tờ trình.

Đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát, điều chỉnh cách trình bày các khoản theo quy định tại khoản 2 Điều 62 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP, cụ thể:

“Điều 62. Bố cục của văn bản

2. Mỗi điểm trong bố cục của văn bản chỉ được thể hiện một ý và phải được trình bày trong một câu hoàn chỉnh hoặc một đoạn, không sử dụng các ký hiệu khác để thể hiện các ý trong một điểm.”

g) Mục IV: đề nghị cơ quan soạn thảo trình bày cụ thể hơn các nội dung cơ bản của dự thảo Nghị quyết và giải thích rõ lý do áp dụng mức học phí tại dự thảo Nghị quyết.

Trên đây là Báo cáo kết quả thẩm định của Sở Tư pháp kính gửi Quý cơ quan./.

Nơi nhận:

- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Sở Giáo dục và Đào tạo;
- Giám đốc, Phó Giám đốc Sở;
- Công thông tin điện tử Sở Tư pháp;
- Lưu: VT, XDKT&TĐTHPL.

GIÁM ĐỐC

Cao Thanh Sơn